



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính riêng	04-25
Bảng cân đối kế toán riêng	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	08-25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý I năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Bùi Quý Ba	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Tường An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Lê Văn Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Linh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Bà Dương Quỳnh Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Bà Lê Thị Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tuấn Dũng

Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 19 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		42.355.338.200	32.418.089.794
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.672.737.442	7.221.019.691
111	1. Tiền		1.672.737.442	7.221.019.691
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.392.216.218	21.209.796.365
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.011.093.620	21.125.796.365
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.141.022.598	84.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.240.100.000	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	13.183.893.866	3.895.213.866
141	1. Hàng tồn kho		13.183.893.866	3.895.213.866
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		106.490.674	92.059.872
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		106.490.674	92.059.872
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		168.942.631.070	169.129.779.195
220	II. Tài sản cố định		7.764.236.235	7.923.857.079
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.764.236.235	7.923.857.079
222	- Nguyên giá		11.087.600.480	11.087.600.480
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.323.364.245)	(3.163.743.401)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	158.000.000.000	158.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		53.000.000.000	53.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105.000.000.000	105.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.178.394.835	3.205.922.116
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.178.394.835	3.205.922.116
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		211.297.969.270	201.547.868.989

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG***Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021*
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.444.960.296	12.110.382.547
310	I. Nợ ngắn hạn		19.444.960.296	12.110.382.547
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.263.932.668	4.156.737.683
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	121.911.800	121.911.800
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	193.940.834	66.558.070
320	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	7.100.000.000	-
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.765.174.994	7.765.174.994
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		191.853.008.974	189.437.486.442
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	191.853.008.974	189.437.486.442
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		171.671.440.000	171.671.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		171.671.440.000	171.671.440.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.882.587.497	3.882.587.497
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.298.981.477	13.883.458.945
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.883.458.945	13.481.035.618
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.415.522.532	402.423.327
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		211.297.969.270	201.547.868.989

**Hoàng Thị Kim Lan**
Người lập**Hoàng Thị Kim Lan**
Kế toán trưởng**Nguyễn Tuấn Dũng**
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 19 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBán Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG***Quý I năm 2021*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	21.181.340.400	19.518.788.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.181.340.400	19.518.788.050
11	4. Giá vốn hàng bán	17	18.317.442.483	19.434.362.717
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.863.897.917	84.425.333
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	294.465	524.998.394
22	7. Chi phí tài chính	19	17.771.918	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.771.918	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		303.765.168	436.976.777
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.542.655.296	172.446.950
31	11. Thu nhập khác		-	2.670
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	2.670
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.542.655.296	172.449.620
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	127.132.764	104.999.679
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.415.522.532	67.449.941

Hoàng Thị Kim Lan
Người lập**Hoàng Thị Kim Lan**
Kế toán trưởng**Nguyễn Tuấn Dũng**
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 19 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Quý I năm 2021**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2021 VND	Quý I năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.542.655.296	172.449.620
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		159.620.844	159.620.844
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(294.465)	(524.998.394)
06	- Chi phí lãi vay		17.771.918	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.719.753.593	(192.927.930)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.196.850.655)	20.919.842.279
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.288.680.000)	(2.849.268.216)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		107.444.985	20.948.126.891
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27.527.281	52.992.495
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.771.918)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(200.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.648.576.714)	38.678.765.519
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
24	1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.000.000.000
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(59.000.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	34.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		294.465	524.998.394
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		294.465	(14.475.001.606)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		7.100.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.100.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.548.282.249)	24.203.763.913
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.221.019.691	1.311.124.822
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.672.737.442	25.514.888.735


Hoàng Thị Kim Lan
Người lập

Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởngNguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 19 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 171.671.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 171.671.440.000 đồng; tương đương 17.167.144 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 10 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp".

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.639.757.683	214.281.766
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.979.759	7.006.737.925
	<u>1.672.737.442</u>	<u>7.221.019.691</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bán Chung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Pharma	45.000.000.000	-	-	45.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000	-	-
	158.000.000.000	-	-	158.000.000.000	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98,14%	98,14%	Kinh doanh nông, lâm sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	45,40%	45,40%	Kinh doanh nông, lâm sản
Công ty Cổ phần Hồng Hà Pharma	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	45,00%	45,00%	Kinh doanh thực phẩm chức năng
Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	H. Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	43,75%	43,75%	Kinh doanh nông, lâm sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 23.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Minh Hiền	8.149.574.400	-	-	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	-	-	20.264.277.145	-
Phải thu khách hàng khác	861.519.220	-	861.519.220	-
	9.011.093.620	-	21.125.796.365	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần VBM Bắc Bộ	5.738.612.205	-	-	-
Nguyễn Đình Khoa	2.700.000.000	-	-	-
Cao Thị Thùy	2.500.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	202.410.393	-	84.000.000	-
	11.141.022.598	-	84.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀBản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	100.000	-	-	-
Phải thu khác	7.240.000.000	-	-	-
	<u>7.240.100.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2021		01/01/2021	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm	3.895.213.866	-	3.895.213.866	-
Hàng hoá	9.288.680.000	-	-	-
	<u>13.183.893.866</u>	<u>-</u>	<u>3.895.213.866</u>	<u>-</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.994.000.480	1.093.600.000	11.087.600.480
Số dư cuối kỳ	<u>9.994.000.480</u>	<u>1.093.600.000</u>	<u>11.087.600.480</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.506.392.043	657.351.358	3.163.743.401
- Khấu hao trong kỳ	124.925.013	34.695.831	159.620.844
Số dư cuối kỳ	<u>2.631.317.056</u>	<u>692.047.189</u>	<u>3.323.364.245</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.487.608.437	436.248.642	7.923.857.079
Tại ngày cuối kỳ	<u>7.362.683.424</u>	<u>401.552.811</u>	<u>7.764.236.235</u>

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (*)	3.144.221.290	3.197.213.785
Chi phí trả trước dài hạn khác	34.173.545	8.708.331
	<u>3.178.394.835</u>	<u>3.205.922.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Tổng hợp Newtech Việt Nam	4.142.544.500	4.142.544.500	-	-
Công ty Cổ phần VBM Vĩnh Bắc Bộ	-	-	4.076.049.515	4.076.049.515
Phải trả các đối tượng khác	121.388.168	121.388.168	80.688.168	80.688.168
	<u>4.263.932.668</u>	<u>4.263.932.668</u>	<u>4.156.737.683</u>	<u>4.156.737.683</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	121.911.800	121.911.800
	<u>121.911.800</u>	<u>121.911.800</u>
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 23)</i>	<u>121.911.800</u>	<u>121.911.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	66.558.070	127.132.764	-	-	193.690.834
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	250.000	-	-	250.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	66.558.070	130.382.764	3.000.000	-	193.940.834

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Chung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		31/03/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	7.100.000.000	-	7.100.000.000	7.100.000.000
	-	-	7.100.000.000	-	7.100.000.000	7.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
 Bản Chung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	157.499.560.000	2.940.332.357	30.479.681.038	190.919.573.395
Lãi trong năm 2020	-	-	402.423.327	402.423.327
Tăng vốn từ lợi nhuận	14.171.880.000	-	(14.171.880.000)	-
Trích lập các quỹ	-	942.255.140	(2.826.765.420)	(1.884.510.280)
Số dư cuối kỳ trước	171.671.440.000	3.882.587.497	13.883.458.945	189.437.486.442
Số dư đầu năm nay	171.671.440.000	3.882.587.497	13.883.458.945	189.437.486.442
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	2.415.522.532	2.415.522.532
Số dư cuối kỳ nay	171.671.440.000	3.882.587.497	16.298.981.477	191.853.008.974
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Các cổ đông khác	171.671.440.000	100,00%	171.671.440.000	100,00%
	171.671.440.000	100%	171.671.440.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Quý I năm 2021</u>	<u>Quý I năm 2020</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	171.671.440.000	171.671.440.000
- Vốn góp đầu kỳ	171.671.440.000	157.499.560.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	14.171.880.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>171.671.440.000</u>	<u>171.671.440.000</u>

d) Cổ phiếu

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.167.144	17.167.144
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.167.144	17.167.144
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	17.167.144
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.882.587.497	3.882.587.497
	<u>3.882.587.497</u>	<u>3.882.587.497</u>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Quý I năm 2021</u>	<u>Quý I năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	21.181.340.400	19.518.788.050
	<u>21.181.340.400</u>	<u>19.518.788.050</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý I năm 2021</u>	<u>Quý I năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	18.317.442.483	19.434.362.717
	<u>18.317.442.483</u>	<u>19.434.362.717</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I năm 2021</u>	<u>Quý I năm 2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	294.465	524.998.394
	<u>294.465</u>	<u>524.998.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.771.918	-
	17.771.918	-

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.542.655.296	172.449.620
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.542.655.296	172.449.620
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm tính	127.132.764	104.999.679

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/03/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.672.737.442	-	-	7.221.019.691	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.251.193.620	-	-	21.125.796.365	-
	17.923.931.062	-	-	28.346.816.056	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/03/2021	01/01/2021
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		7.100.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác		4.263.932.668	4.156.737.683
	11.363.932.668	4.156.737.683	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.672.737.442	-	-	1.672.737.442
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.251.193.620	-	-	16.251.193.620
	17.923.931.062	-	-	17.923.931.062

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền	7.221.019.691	-	-	7.221.019.691
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.125.796.365	-	-	21.125.796.365
	28.346.816.056	-	-	28.346.816.056

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2021				
Vay và nợ	7.100.000.000	-	-	7.100.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.263.932.668	-	-	4.263.932.668
	11.363.932.668	-	-	11.363.932.668
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.156.737.683	-	-	4.156.737.683
	4.156.737.683	-	-	4.156.737.683

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước		121.911.800	121.911.800
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Công ty con	121.911.800	121.911.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Bản Cung Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh
Sơn La

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2021

24 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên kết quả hoạt động kinh doanh quý I năm 2020 và các thuyết minh tương ứng là số liệu do Công ty tự lập.



Hoàng Thị Kim Lan
Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 19 tháng 04 năm 2021

